

T, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Số: 82/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thái H, sinh năm 1974

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, H

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1969

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Y, xã T, huyện T, H

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm 1 Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “*mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thái H và ông Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thái H và ông Lê Văn T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Bà Trần Thái H và ông Lê Văn T có một con chung là anh Lê Văn Q, sinh ngày 30/8/1993. Anh Q đã trưởng thành.

- **Về tài sản chung, nhà đất chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Trần Thái H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0063192 ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Trả lại bà Trần Thái H 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND huyện;

- UBND xã T

(Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyền

số 01/1993 ngày 14/5/1993);

- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Hải

